

# **DẠNG ĐỀ PHÂN TÍCH NGHỆ THUẬT TỰ SỰ CỦA TRUYỆN NGẮN/ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN**

## **A) DÀN Ý CHUNG:**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận (nghệ thuật tự sự)

VD: [Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm]. Không chỉ có giá trị về mặt tư tưởng, [tác phẩm] còn đặc sắc về nghệ thuật tự sự. Đoạn trích [từ “...” đến “...”] đã biểu hiện rõ tài năng độc đáo của [tác giả] trong cách kể, cách trần thuật câu chuyện một cách ấn tượng.

## **II. Thân bài:**

### **1) Phạm vi phản ánh, cấu trúc của đoạn trích:**

- **Phạm vi phản ánh của đoạn trích mang tính điển hình của một tác phẩm truyện ngắn:** tập trung vào một vài sự kiện – là những lát cắt nhỏ của đời sống. (Chỉ ra các sự kiện chính)

- **Cấu trúc đoạn trích truyền thống hay cách tân?**

+ Mang dáng dấp của cách kể truyền thống: kể theo trình tự tuyến tính, sự kiện diễn ra trước kể trước, diễn ra sau kể sau, có trật tự logic. (Chỉ ra tiến trình các sự kiện)

+ Mang dáng dấp của cách kể hiện đại, phá cách cấu trúc truyền thống chặt chẽ: đảo lộn các sự kiện, chi tiết giữa hiện tại – quá khứ. (Chỉ ra sự kiện nào được kể trước, mở đầu câu chuyện rồi mới hồi cố về quá khứ)

**2) Xây dựng tình huống truyện:** Đoạn trích xây dựng cốt truyện tự nhiên, xoay quanh nhân vật A là nhân vật trung tâm với B, C... là các tuyến nhân vật phụ làm hiện lên thế giới sinh động của tác phẩm. Đặc biệt, đoạn trích tập trung khắc họa một tình huống khá ấn tượng.

- Tái hiện tình huống

- Đánh giá, phân tích ngắn gọn đặc điểm, ý nghĩa của tình huống

### **3) Người kể chuyện:**

#### **a) Ngôi kể: thứ ba hay thứ nhất?**

+ Thứ ba -> khách quan, toàn diện, người kể biết hết mọi không gian, hành động, suy nghĩ của nhân vật, thậm chí tỏ tường cả những không gian không có sự tham gia của nhân vật chính

+ Thứ nhất -> tạo cảm giác là người trong cuộc, ảnh hưởng tới tính chân thực của truyện kể, tuy nhiên lại nhất phiến và đầy tính chủ quan

#### **b) Điểm nhìn trần thuật: bên ngoài, bên trong hay cả hai?**

+ Bên ngoài -> tập trung vào hành động, lời nói, các mối quan hệ của nhân vật, làm nổi bật tính chất đời thường của con người (Phân tích hành động, lời nói và các mối quan hệ)

+ Bên trong -> ít hành động, lời nói, không có những xung đột kịch tính dồn dập từ các mối quan hệ bên ngoài nhưng lại chú ý diễn tả thế giới nội tâm đa diện, phức tạp bên trong + Hình thức trần thuật nửa trực tiếp, tác giả hóa thân vào nhân vật để kể chuyện và bộc bạch nỗi lòng. (Phân tích cuộc đấu tranh nội tâm của nhân vật trong truyện xoay quanh những trở ngại về vấn đề gì để làm rõ ý này)

### **c) Khoảng cách trần thuật của người kể chuyện và nhân vật:**

- Gần gũi, thân thiết -> cảm thông, thậm chí bao biện cho lỗi lầm của nhân vật
- Giữ khoảng cách nhất định với nhân vật -> cái nhìn bao quát, đầy đủ và không thiên vị, không vị cảm xúc chủ quan chi phối đến khả năng đánh giá, nêu quan điểm, tư tưởng

### **4) Giọng điệu trần thuật:**

- + Cảm thông, chua xót, đau đớn cho thân phận, nỗi đau của nhân vật
- + Phê phán, tố cáo nghiêm khắc hành vi sai trái của nhân vật hoặc mặt trái của xã hội
- + Trân trọng, ca ngợi những vẻ đẹp nhân cách, lựa chọn, lí tưởng sống... của nhân vật./ Gửi gắm niềm tin vào chiến thắng tất yếu của cái thiện, khả năng cải tổ, hướng thiện của đời sống và con người.

### **5) Ngôn ngữ trần thuật:**

#### **- Phong cách ngôn ngữ trần thuật của tác giả:**

- + Giản dị, mộc mạc, chân thành, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân
  - + Hài hước, hóm hỉnh, bông đùa, có khi giễu cợt
  - + Giàu tính triết lí, chiêm nghiệm, suy tư về cuộc đời và con người
  - + Lãng mạn, trữ tình, nhẹ nhàng, bay bổng, đầy chất thơ và đọng đầy cảm xúc
- Tác giả thường sử dụng các kĩ thuật, biện pháp nghệ thuật gì trong tổ chức ngôn ngữ?**  
(VD: sử dụng nhiều tính từ gợi tả, từ tượng hình, tượng thanh, các động từ mạnh; phép ẩn dụ, so sánh,... câu đơn hay câu ghép, câu dài hay câu ngắn hay đan xen?... thường chỉ là lời kể, tả hay còn bình luận, đánh giá, nhận xét, thể hiện thái độ, cảm xúc?...)

### **6) Đánh giá giá trị nội dung:**

- Truyện hướng về chủ đề gì? Đối tượng phản ánh là ai?
- Phản ánh xã hội như thế nào?
- Phản ánh con người như thế nào?
- Câu chốt: Tất cả điều này gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc nhờ một nghệ thuật tự sự có chiều sâu, giàu sức thuyết phục.

### **III. Kết bài:** Tổng kết ý nghĩa của vấn đề, khẳng định tác phẩm và tài năng của tác giả

**VD1:** Có những tác phẩm ra đời như “bươm bướm nở ngày xuân, như chuồn chuồn vờ tảo” khiến chúng ta đọc xong quên ngay, đến khi cầm lại mới ngỡ như mình đã đọc rồi. Nhưng cũng có những tác phẩm như dòng sông chảy qua tâm hồn ta để lại những ấn tượng chạm khắc trong tâm khảm. Và tác phẩm [tên] cũng là một sự chạm khắc như thế. Nghệ thuật tự sự của văn bản là một yếu tố đặc biệt góp phần làm nên sự thành công cho tác phẩm.

**VD2:** Hoài Thanh trong “ý nghĩa văn chương” đã từng viết: “Từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay. Và tôi nghĩ, áng văn [tác phẩm]

của [tác giả] chính là minh chứng cho câu nói đó. Tác phẩm đã xây dựng một nghệ thuật tự sự độc đáo để góp phần làm nên sự thành công cho tác phẩm.

**VD3:** Soi vào thực tế văn học, tôi chợt hiểu vì sao có những nhà văn suốt cả cuộc đời không tạo nên được một tác phẩm có giá trị đích thực, để rồi phải ngậm đắng nuốt cay, than thở sự bạc bẽo của nghề văn. Và vì sao lại có những nghệ sĩ lớn như [tác giả]. [tác phẩm] chính là một minh chứng không thừa nhận định luật băng hoại của thời gian, đã để lại nhiều giá trị, trong đó có nghệ thuật tự sự đặc sắc.

## **B) VÍ DỤ MINH HỌA**

**ĐỀ 1: Phân tích, đánh giá nghệ thuật tự sự trong đoạn trích truyện “Giận ông giời” của Nguyễn Khải:**

Ông Quải như chả chú ý tới những nghi ngờ của vợ về một ông khách mới quen lại quá tò mò. Ông vẫn tiếp tục kể cho tôi nghe những năm tháng đầu tiên ông trở về nhà sống với một người bố đã già đã yếu và hai đứa con còn nhỏ dại. Về được hai năm thì bố chết, đưa bố ra đồng xong về nhà vét voi không được vài ống gạo. Trời mưa trong nhà như ngoài sân mới vay tiền mua trăm ngói, mà mua cũng khó khăn lắm, trèo lên cào mùn gianh rồi úp tạt ngói lên chống dột. Năm sau thì cưới vợ là bà nhà tôi bây giờ. Nhà đã khó nay lại đẻ thêm con đở nên càng khó. Bằng tuổi tôi người ta thì bông cháu, mình tóc đã muối tiêu còn bông con nhỏ là rất nghịch cảnh. Cũng may bà nhà tôi tháo vát, lại rất thương chồng và con chồng, khó đến mấy cũng chỉ cười. Mấy đứa con tôi cũng học được cái tính của bà ấy nên cái nhà này không vì túng thiếu mà to tiếng với nhau. Chỉ có tôi là hay to tiếng thôi, quát tháo ầm ỹ một lúc không có ai đối lời lại, tự mình cũng ngượng với mình rồi câm miệng luôn. Cả làng này biết tính tôi nên chả ai nổi giận. "Mình làm khổ mình đã đủ còn ai nổi giận mình nữa." Nói rồi lại cười, từ lúc ngồi trò chuyện với tôi ông cũng hay cười. Cười được cũng vui nhẹ cái buồn cái tức đi nhiều lắm. Mười năm trở lại đây nhà ông không phải lo đến miếng ăn nữa. Nhưng ông vẫn chỉ ăn cơm với dưa với mắm, đựng đĩa vào cá rán, cá nấu, thịt gà, trứng vịt là nôn ói liền. Cái "không bằng người" ấy chả quy lỗi cho ai được, chỉ tại cái trò chơi khăm của ông giời đó thôi. Nhưng nhìn quanh thì vẫn không bằng người, người ta làm được nhà gác thì ông mới chuẩn bị làm lại cái nhà đang ở, người ta đi xe máy thì bố con ông mới có cái xe đạp Trung Quốc. Vẫn là thua người, tính toán trí lực hơn người mà thua mưu cả đứa trẻ nên càng tức. Ông kể: "Mấy năm nọ cả xã này đổ xô đi buôn long nhãn, nhiều người xây được nhà gác là nhờ cái đàn ấy đấy. Tôi cũng buôn. Long nhãn của nhà được vài tạ, mua vào gần hai tấn nữa. Lúc mua có 100, 105 ngàn một ký. Giá lên 110, 115 ngàn vẫn không bán vì đám buôn đồ chừng phải lên đến 120, 125. Nào ngờ nó lại tụt dần xuống, tụt xuống rồi lại lên, cái trò cung cầu của cơ chế thị trường nó ươn ẹo đồng bóng lắm, gan thì được, nhát thì thua. Thị gan thì nhất tôi rồi. Đánh nhau mười năm với Mỹ không gan có mà chết sớm. Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, đơm một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đằng này là cái no cái đói; sau lưng mình còn một bầy thê tử họ lại không muốn bị đói mãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy. Mua hơn 100 ngàn, bán có 65, 62 ngàn, lỗ non nửa. Đã bảo giời tính mà, ông giời không cùng phe với mình làm sao không thua. Sau lần thua lỗ ấy, lỗ non chục triệu chứ đâu có ít, tôi lại khăn gói ra Quảng Ninh gánh than, được thêm đồng nào hay đồng ấy. Ông tính, một buổi gánh ba chuyến than, gánh từ 70 cân trở lên, chạy một đoạn đường ba bốn cây số, một ngày trừ ăn uống rồi cũng giắt lưng được ba chục ngàn, ấy là đã phải trả tiền bãi mất năm ngàn. Một năm gánh than, ăn đường ngủ chợ, về đến nhà đến vợ con cũng không nhận ra nhưng trả xong nợ. Coi như mất hai năm không thêm đồng nào, mọi sự chi tiêu đều trông vào hạt thóc. Mất toi hai năm mà tuổi đã trên năm mươi rồi, thế là lại gắt, chỉ dám gắt với vợ với con, tức ông giời chưa chịu buông tha mình, hờn dỗi

với giới mà gặt. Còn năm nay tôi lại bị thua lỗ một lúa lợn. Thua đau lắm, gói bạc trong tâm tay, đã tính toán mọi việc trong cái số bạc chắc chắn sẽ có ấy mà rồi vẫn bị ông giới giựt mất, ông bảo có hận không? Giá lợn đầu năm 10 ngàn một ký móc hàm, sau xuống 7 ngàn, rồi lại có tin đồn lợn đang bị dịch, ăn vào có khi mắc bệnh như bệnh bò điên ở bên Tây, nên giá lại càng hạ. Cám thì đắt, thịt lại rẻ, không bán vội có mà sạt nghiệp.”.

(Trích “Giận ông giới”, Nguyễn Khải,  
<https://nhandan.vn/gian-ong-gioi-truyen-ngan-cua-nguyen-khai-post408195.html>).

## Bài làm:

### I. Mở bài:

**VD:** Nguyễn Khải là cây bút văn xuôi nổi bật nửa cuối thế kỉ XX ở Việt Nam. Ông có nhiều sáng tác ấn tượng trong các thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự, kịch,... với khả năng phát hiện vấn đề, phân tích tâm lý nhân vật và giọng văn đôn hậu, trầm lắng, chiêm nghiệm. Trong đó, “Giận ông trời” là một truyện ngắn tiêu biểu. Không chỉ có giá trị về mặt tư tưởng, tác phẩm còn đặc sắc về nghệ thuật tự sự. Đoạn trích từ “Ông Quải như chẳng chú ý tới những nghi ngờ” đến “không bán vội có mà sạt nghiệp” đã biểu hiện rõ tài năng độc đáo của Nguyễn Khải trong cách kể, cách trần thuật câu chuyện một cách ấn tượng.

### II. Thân bài:

#### 1) Phạm vi phản ánh, cấu trúc của tác phẩm:

**Đầu tiên, về phạm vi phản ánh, đoạn trích mang tính chất điển hình của một tác phẩm truyện ngắn.** Truyện không khái quát những chuỗi sự kiện rộng lớn mà chỉ tập trung vào một vài sự kiện nhỏ trong cuộc đời của nhân vật ông Quải như những lát cắt, khoảnh khắc nhỏ của đời sống. Đó là sự kiện ông Quải trở về từ chiến tranh, phải đối diện với những nỗi lo toan của cuộc sống thường nhật, ông phải đi buôn long nhãn, rồi gánh than ở Quảng Ninh, ông về buôn lợn nhưng vẫn không khấm khá... Những câu chuyện tủn mủn đó làm nổi bật cuộc sống mưu sinh vất vả, khó nhọc của ông Quải để nuôi gia đình. **Cấu trúc đoạn trích được kể một cách tự nhiên, tuyến tính theo kiểu trần thuật truyền thống.** Đoạn trích bắt đầu từ sự kiện ông Quải trở về từ chiến tranh, phải đối diện với nghịch cảnh “*sống chung với một người bố đã già yếu và hai đứa con còn nhỏ dại*”, tiếp đó là những cuộc làm ăn thất bại của ông. Các nhân vật trong gia đình ông Quải được giới thiệu một cách rành rọt, tường tận, chi tiết: vợ (bà nhà tôi), các con. Các sự kiện theo trật tự thời gian được đánh dấu bởi những cụm từ “năm sau”, “về được hai năm”, “khoảng mười năm này”...

#### 2) Xây dựng tình huống truyện:

**Đoạn trích xây dựng cốt truyện tự nhiên, xoay quanh nhân vật ông Quải là nhân vật trung tâm của câu chuyện,** bên cạnh đó có sự xuất hiện của những nhân vật ngoại biên là vợ con ông Quải, “tôi” – người chứng kiến và kể câu chuyện... Các tuyến nhân vật này làm hiện lên bức tranh sinh động, chân thực như cuộc sống đời thường của tác phẩm. **Đặc biệt, đoạn trích tập trung khắc họa một tình huống khá ấn tượng:** tình huống ông Quải là người thành công, gan dạ trong chiến tranh, nhưng khi trở về đời thường thì liên tiếp gặp thất bại trong kinh doanh, phải nhậm chức trong cảnh sống thiếu thốn, trần trở về miếng ăn của vợ con. Đây là một tình huống vừa éo le, bi kịch, nói lên bất hạnh chung của đời những người lính, vừa là một tình huống tự nhiên, hợp lẽ bởi cuộc sống luôn vận động không ngừng, không ai hoàn hảo. Chúng ta phải chấp nhận một thực tế rằng: những người lính dù vĩ đại, bất khuất trên chiến trường bao nhiêu thì họ vẫn chỉ là một cá nhân nhỏ

bé giữa đời thường, cũng phải tập cách đối diện với khó khăn, vất vả mưu sinh. Chiến trường chỉ dạy cho họ cách cầm súng, cách liều mình xông trận để đạt được lí tưởng, còn đời thường dạy họ phải nhẫn nhục, chịu đựng, chịu thương chịu khó, khôn ngoan tính toán, hiểu rõ thương trường, cũng chưa chắc giành được quả ngọt. Đó là thực tế tàn nhẫn mà chua chát của cuộc sống – một cuộc sống biến động không nằm trong tầm kiểm soát của ta. Tuy nhiên, tình huống truyện cũng đã làm nổi bật được tính cách, phẩm chất đáng quý của ông Quải: linh hoạt nắm bắt cơ hội, chăm chỉ, cần mẫn và biết lo toan cho gia đình. Trong chiến tranh, ông là rường cột của đất nước, về thời bình, ông là trụ cột của gia đình.

### 3) Người kể chuyện:

Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi” là một “ông khách mới quen” được ông Quải kể lại câu chuyện cuộc đời mình. Cách trần thuật từ ngôi thứ nhất luôn tạo cảm giác là người trong cuộc, tính chân thực của truyện kể trở nên xác tín hơn. Điểm nhìn ngôi thứ nhất có khả năng nhất phiến, chủ quan, nhưng ở đây, tác giả đã kết hợp với điểm nhìn của chính ông Quải để khiến câu chuyện có tính khách quan hơn trong lời kể. **Điểm nhìn trần thuật vì vậy cũng có sự linh hoạt cả bên ngoài lẫn bên trong nội tâm nhân vật.** Các hành động, lời nói và mối quan hệ của ông Quải được hiện lên chân thực, rõ ràng, làm nổi bật tính chất thực tế của câu chuyện. Không chỉ vậy, điều đáng quan tâm là thế giới nội tâm bên trong, những suy nghĩ, nhận thức, trần trở của ông Quải được tác giả khắc họa rất chi tiết. Từ những va đập của cuộc sống xung quanh, thế giới nội tâm của ông Quải hiện lên đa diện, phức tạp đầy ẩn tượng. Hình thức trần thuật nửa trực tiếp - tác giả nhập thân vào nhân vật đã góp phần xây dựng thế giới nội tâm đó. Ông Quải có những trần trở rất bình dị. Đầu tiên, **ông trần trở về cảnh ngộ đặc biệt của gia đình mình:** “*Bằng tuổi tôi người ta thì bỗng cháu, mình tóc đã muối tiêu còn bỗng con nhỏ là rất nghịch cảnh*”. Người xưa thường quan niệm rằng: tuổi già, con khôn lớn là nhà có phúc, đằng này ông Quải đã có tuổi, đã không được hưởng cái nhàn nhã của tuổi già, lại còn phải đèo bồng nuôi con. Đó là một nỗi thiệt thòi, là một sự vất vả trong cuộc đời người lính. Họ đã dành cả thanh xuân cho chiến trường, đến lúc về già mới được làm tròn bổn phận của cha mẹ. Nhưng ông Quải vẫn **nhận ra cái may mắn mình có được:** “*bà nhà tôi tháo vát, lại rất thương chồng và con chồng, khó đến mấy cũng chỉ cười. Mấy đứa con tôi cũng học được cái tính của bà ấy nên cái nhà này không vì túng thiếu mà to tiếng với nhau*”. Đó là sự tích cực, lạc quan ngay cả trong hoàn cảnh “nghịch lí” nhất. Bên cạnh ông đã có một gia đình ấm áp, tuy nghèo nhưng yêu thương nhau. Đó là động lực giúp ông vượt qua tất cả khó khăn để sinh tồn, bảo vệ, hoàn thành trách nhiệm của mình. Đặc biệt, ông **cũng nhận thức rất rõ về bản thân:** “*Chỉ có tôi là hay to tiếng thôi,... Cả làng này biết tính tôi nên chả ai nổi giận. Mình làm khổ mình đã đủ còn ai nổi giận mình nữa*”. Cách bộc bạch suy nghĩ của ông Quải thật dễ khiến người ta đồng cảm, thương tình. Ông vừa chỉ ra những cái chưa được của mình, vừa bao biện cho chính mình một cách đáng yêu. Trong cái khổ, đôi khi con người thường mất đi lí trí, sự bình tĩnh mà nóng giận với người khác. Bản tính tự nhiên này là một điều có thể thông cảm được. Hơn nữa, qua cách tự “lột trần” chính mình của ông Quải đã khiến người đọc cảm nhận đây là một con người hiền lành, thật thà, chân chất đáng quý. Vậy không có lí do gì khiến ta phải trách cứ, chê cười ông Quải cả.

Đặc biệt, nỗi trần trở đáng chú ý nhất của ông Quải là **nỗi trần trở về sự thua thiệt, thất bại ở chiến trường cơm áo gạo tiền.** Ông buồn bã nghĩ ngợi: “*Đánh nhau mười năm với Mỹ không gan có mà chết sớm. Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, đòan một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đằng này là cái no cái đói; sau lưng*

mình còn một bầy thê tử họ lại không muốn bị đối đãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy”. Rõ ràng, đó vừa là ý thức tự trọng của một người lính, vừa là ý thức trách nhiệm của một người trụ cột gia đình. Sử dụng cách nói so sánh đối lập, ông Quải khẳng định: gan dạ là một phẩm chất của người lính nhưng chưa chắc đã là hữu dụng đối với người thường. Trong chiến tranh, người lính sống chết với lý tưởng, họ không sợ mưa bom, bão đạn, sẵn sàng hi sinh thân mình cho nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Còn sau chiến tranh, họ vẫn phải tiếp tục “gan dạ” để đối mặt với gánh nặng áo cơm, cuộc sống mưu sinh nhọc nhằn. Nhưng lúc bấy giờ, định nghĩa về sự “gan dạ” trong ông đã đổi khác. Ông còn phải chăm lo cho mấy miệng ăn trong gia đình nên ông không thể làm liều, bất chấp tất cả như trước đây nữa. Rõ ràng, cuộc chiến mưu sinh thời bình là một cuộc chiến còn lớn lao hơn cả thời chiến. Ở đó, con người phải “biết sợ”, biết chừng mực, giới hạn, phải biết nghĩ cho người khác trước khi nghĩ đến mình, không phải cứ liều lĩnh là sẽ đạt được mong muốn. Đó mới là điều thực khó! Như vậy, qua lời tâm sự của ông Quải, chúng ta nhận thức được đầy đủ, toàn vẹn hơn về hình tượng người lính: hóa ra họ cũng là những con người bình thường với nỗi sợ và sự bất lực tầm thường. Có những thứ con người không thể làm chủ, khắc phục hoàn cảnh. Con người luôn phải chịu sự chi phối nghiệt ngã của cuộc đời, kể cả họ có vĩ đại đến đâu. Đó cũng chính là cái nhìn nhân văn của tác giả đối với nhân vật của mình. Ông Quải **đau khổ vì đó là trò đùa của tạo hóa** “ông giờ chưa chịu buông tha mình, hờn đối với giờ mà gắt”, có những khi “tính toán mọi việc trong cái số bạc chắc chắn sẽ có ấy mà rồi vẫn bị ông giờ giật mất”. Đó là một thực tế chua chát, chán ngán mà không riêng gì ông Quải, bất cứ ai trong muôn kiếp nhân sinh này cũng phải trải qua, chịu đựng, đau khổ. Như vậy, đoạn trích đã khắc họa diễn biến nội tâm nhân vật vô cùng sinh động, chân thực, tạo cảm giác gần gũi, thân thuộc đối với mỗi chúng ta.

Ở đây, **người kể chuyện đã có một khoảng cách vô cùng gần gũi, thân thiết với nhân vật, thể hiện cái nhìn cảm thông** đối với số phận ông Quải, thậm chí bao biện cho cái tính vốn hay nóng giận của ông Quải. “Nói rồi lại cười, từ lúc ngồi trò chuyện với tôi ông cũng hay cười”, “Mình làm khổ mình đã đủ còn ai nữa giận mình nữa”... Tuy nhiên, **tác giả cũng giữ một khoảng cách nhất định với nhân vật**. Đoạn trích thể hiện cái **nhìn bao quát, đầy đủ và không thiên vị**, không để cảm xúc chủ quan chi phối mà đánh giá về nhân vật ông Quải rất toàn vẹn. Bên cạnh những phẩm chất chịu khó, trách nhiệm của ông Quải thì ta còn thấy được sự thất bại của ông Quải trong rất nhiều lần kinh doanh: buôn long nhãn, gánh than ở Quảng Ninh, buôn lợn nhưng lần nào ông cũng thất bại ê chề. Cuộc sống của gia đình ông không đến nỗi thiếu thốn nhưng “*nhìn quanh thì vẫn không bằng người*”, “*thua người, tính toán trí lực hơn người mà thua mưu cả đứa trẻ nên càng tức*”. Đó là những giới hạn của ông Quải mà tác giả không dấu diếm, ngược lại, còn trần thuật một cách khách quan khiến ta nhìn rõ hơn chân dung nhân vật. Có thể nói, bằng cái nhìn như thế, nhân vật của Nguyễn Khải hiện lên đúng tinh thần “tả chân” của văn học sau 1975.

#### **4) Giọng điệu trần thuật:**

Viết về nhân vật ông Quải, **Nguyễn Khải đã sử dụng một lối viết đa dạng điểm nhìn và giọng điệu trần thuật linh hoạt**. Đầu tiên, tác giả bộc lộ giọng điệu cảm thông, chua xót lớn lao cho thân phận, nỗi đau của ông Quải khi phải đối diện với cuộc sống mưu sinh vất vả thời buổi kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, tác giả còn giữ một giọng điệu phê phán nghiêm khắc đối với những thói xấu của nhân vật như tính nóng giận, khả năng nắm bắt thời buổi kém tinh nhạy gây nên những thất bại liên tiếp. Tuy nhiên, tác giả cũng không quên thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca những vẻ đẹp nhân cách, phẩm chất đáng quý của nhân vật: tinh thần trách nhiệm với gia đình, sự chịu thương chịu khó,

chăm chỉ hòa nhập với thời bình. Qua đó, tác giả ngầm gửi gắm niềm tin vào chiến thắng tất yếu của con người trước hiện thực cuộc sống khắc nghiệt. Chỉ cần con người luôn biết đấu tranh, phấn đấu không ngừng, họ sẽ đổi đời, đạt được hạnh phúc.

### 5) Ngôn ngữ trần thuật:

**Góp phần vào xây dựng nghệ thuật tự sự đặc sắc của đoạn trích, không thể không kể đến hệ thống ngôn ngữ được sử dụng. Trong đoạn trích, tác giả đã vận dụng một phong cách ngôn ngữ trần thuật đa dạng.** Ngôn ngữ kể chuyện vừa giản dị, mộc mạc, chân thành, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, vừa hài hước, hóm hỉnh, bông đùa, có khi giấu cợt nhân vật (khi nói về tính nóng giận và trò chơi khăm của ông giời). Đồng thời, ngôn ngữ truyện cũng giàu tính triết lí, chiêm nghiệm, suy tư về cuộc đời và con người. Lối ngôn ngữ trần thuật trên kết hợp với việc **sử dụng các kĩ thuật, biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong tổ chức ngôn ngữ đã góp phần tạo điểm nhấn cho câu chuyện.** Chẳng hạn, đoạn trích sử dụng nhiều tính từ diễn tả cảm xúc nhân vật: “ngượng”, “khổ”, “giận”, “tức”..., cách nói so sánh sự gan dạ trong chiến tranh và gan dạ thời bình, giữa cái tính toán của mình và trò chơi khăm của ông trời,... Tác giả sử dụng nhiều con số cụ thể để tạo tính chân thật về những câu chuyện làm ăn thua lỗ. Trong quá trình kể chuyện, tác giả sử dụng nhiều câu dài và câu ngắn đan xen, kết hợp linh hoạt giữa lời kể và bình luận, đánh giá, thể hiện thái độ, cảm xúc, giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.

### 6) Đánh giá giá trị nội dung:

Như vậy, đoạn trích truyện “Giận ông giời” là một đoạn truyện ngắn giàu tính phê phán. Truyện hướng về chủ đề bi kịch mưu sinh kiếm sống của người lính sau chiến tranh. Đối tượng phản ánh trung tâm là ông Quải – hình tượng tiêu biểu cho những người lính đi ra cuộc chiến. Truyện đã phản ánh chân thực thời buổi kinh tế thị trường đầy khó khăn, con người lao vào những cuộc doanh thương lớn nhỏ, xu thế của xã hội nhưng không phải ai cũng thành công làm giàu, mang lại kinh tế ổn định cho gia đình. Bên cạnh đó, truyện còn khắc họa chân dung nhân vật ông Quải để khẳng định con người sẽ luôn phấn đấu, vươn lên nghịch cảnh bằng trách nhiệm và sự bền bỉ của chính mình để hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn. Tất cả điều này gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc nhờ một nghệ thuật tự sự có chiều sâu, giàu sức thuyết phục.

### III. Kết bài: Tổng kết ý nghĩa của vấn đề, khẳng định tác phẩm và tài năng của tác giả

Soi vào thực tế văn học, tôi chợt hiểu vì sao có những nhà văn suốt cả cuộc đời không tạo nên được một tác phẩm có giá trị đích thực, để rồi phải ngậm đắng nuốt cay, than thở sự bạc bẽo của nghề văn. Và vì sao lại có những nghệ sĩ lớn như Nguyễn Khải. “Giận ông giời” chính là một minh chứng không thừa nhận định luật băng hoại của thời gian, đã để lại nhiều giá trị, trong đó có nghệ thuật tự sự đặc sắc.

### ĐỀ 2: Viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nghệ thuật tự sự trong đoạn trích *Trẻ con không được ăn thịt chó* (ở phần Đọc hiểu) của Nam Cao.

[...]

*Người mẹ rất còm cõi và bốn đứa con gầy ốm, quây quần với nhau trong xó bếp. Trong gia đình này, năm mẹ con thường giống như một bọn dân hèn yếu cùng chung phận con sâu, cái kiến dưới cái ách một ông bạo chúa.*

Thấy lũ con đứa nào cũng nhăn nhó, nhó nhó, người mẹ thương đứt ruột. Thị biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà lại ngửi thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài mãi. Nghĩ mà bức quá! Cái thể không chết được, chứ giá chết được thì thị chỉ thất cổ đi cho rồi....Thị dỗ con:

- Có mà nhịn lúc nữa, các con ạ. Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn.

Rồi muốn cho chúng quên đi, thị sổ tóc ra cho chúng xúm vào bắt chấy. Ủi chà! Nhiều chấy quá! Chỉ việc rẽ một đám tóc ra là đủ thấy bốn, năm con bò lổm ngổm. Cái Gái và cu Nhón, cu Nhỡ thì nhau bắt. Chúng cho cu Con mấy con chấy kên làm trâu. Mới đầu cái trò chơi ấy cũng hay hay. Nhưng chỉ một lúc là chúng chán. Thằng cu Con ra hiệu đình công trước. Nó lặn vào lòng mẹ, oằn oại vừa hụ hị kêu:

- Đói!...Bu ơi! Đói...

Tức khắc những đứa kia cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thở dài. Chúng nuốt bọt nhem nhép. Chúng thừ mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào đứa nấy cũng gằn đĩnh lưng.

Mắt thị ươn ươn nước. Cũng may, tiếng người bố trên nhà gọi:

- Cái Gái đâu! Đẹp mâm đi, này!

Bốn đứa trẻ cùng nhóm dậy: mặt chúng đột nhiên tươi tỉnh lại. Gái “vâng” một tiếng thật to và chạy lên. Cu Nhón, cu Nhỡ ngồi chồm chồm đợi...Một lát sau, Gái bê mâm xuống. Nó cũng nâng lên ngang mặt như cha lúc nãy. Các em nó đứng cả lên, chực đu lấy cái mâm. Nó càng nâng cao hơn, mồm thét:

- Khoan! Khoan! Kéo vớ...

Cu Nhón thét:

- Thì bỏ xuống!

Cái Gái vênh mặt lên, trêu nó:

- Không bỏ. Không cho chúng mày ăn.

- Có sợ thành tật không?

- Không cho ăn thật đấy.

Cu Nhỡ sốt ruột, khoăm mặt lại, văng nhau với chị:

- Làm trò mãi! Có bỏ xuống đây không nào?

Gái hạ nhanh mâm xuống đất bảo:

- Này, ăn đi.

Nó ngẩng mặt nhìn các em, cười the thé. Người mẹ xịu ngay xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu Con khóc òa lên. Nó lặn ra, chân đạp như một người giãy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rung rung khóc. Cái Gái và cu Nhón, cu Nhỡ cũng khóc theo.

(Trích *Trẻ con không được ăn thịt chó*, Nam Cao, *Tổng tập văn học Việt Nam*, Tập 32, NXB Khoa học xã hội, tr.120, 121)

## **Bài làm:**

### **I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận (nghệ thuật tự sự)

VD: Nam Cao là cây bút cuối mùa nhưng cũng là cây bút tiêu biểu nhất của văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Ông viết nhiều về đề tài người trí thức và người nông dân trước cách mạng tháng 8 với sở trường khai thác diễn biến tâm lí nhân vật đặc sắc. Đặc biệt, Nam Cao đem lại

những chiêm nghiệm, triết lí sâu sắc về cuộc đời, con người. “Trẻ con không được ăn thịt chó” là một tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao thuộc về đề tài người nông dân. Không chỉ có giá trị về mặt tư tưởng, tác phẩm còn đặc sắc về nghệ thuật tự sự. Đoạn trích từ “Người mẹ rất còm cõi” đến “cu Nhỡ cũng khóc theo” đã biểu hiện rõ tài năng độc đáo của tác giả trong cách kể, cách trần thuật câu chuyện một cách ấn tượng.

## II. Thân bài:

### 1) Phạm vi phản ánh, cấu trúc của tác phẩm:

**Đầu tiên, phạm vi phản ánh của đoạn trích mang tính điển hình của một tác phẩm truyện ngắn:** tập trung vào một sự kiện nhỏ – là một khoảnh khắc của đời sống. Đó là sự kiện người bố rầy ra đánh chén bữa cơm rượu với thịt chó trong khi những đứa con và vợ ở dưới bếp thì đói nheo đói nhóc. Chỉ với một sự kiện, đoạn trích đã làm nổi bật nội dung phản ánh của truyện. **Cấu trúc truyện ngắn mang dáng dấp của cách kể truyền thống:** kể theo trình tự tuyến tính, sự kiện diễn ra trước kể trước, diễn ra sau kể sau, có trật tự logic. Đó là chuỗi sự kiện người mẹ và bảy con còm cõi quây quần với nhau dưới bếp, người mẹ xỏ tóc cho chúng bắt quên đói, nhưng được một lúc, cái đói lại cuộn lên, những đứa con òa khóc. Chúng chờ được đến lúc ông bố vô tâm vọng lên tiếng nói dọn mâm từ nhà trên, nhưng cuối cùng cũng chỉ còn xương với xấu. Lần này thì cả mẹ và con cùng khóc. Kết thúc đoạn trích là những giọt nước mắt tủi hờn của những con người khốn khổ, một gia đình khốn nạn có một người chồng, người cha vô tâm.

### 2) Xây dựng tình huống truyện:

**Đoạn trích xây dựng cốt truyện tự nhiên, xoay quanh nhân vật Thị - người mẹ và 4 đứa con** (cu Gái, cu Nhớn, cu Con, cu Nhỡ) là những nhân vật trung tâm làm hiện lên thế giới sinh động của tác phẩm. **Đặc biệt, đoạn trích tập trung khắc họa một tình huống khá ấn tượng.** Tình huống người mẹ và những đứa con nghèo đói quây quần bên nhau, trong khi lão chồng còn bận xơi rượu thịt ở nhà trên. **Đó là một tình huống vô cùng chân thực, giản dị nhưng cũng rất éo le, đáng thương** nói lên nghịch cảnh bất công của xã hội: đàn ông thì lười biếng, đàn bà thường chịu thua thiệt, nhún nhường. Những người đàn ông vô tâm, thiếu trách nhiệm với gia đình để cho vợ con phải day trở trong cảnh túng thiếu. Những đứa con bất hạnh, ngây thơ nhưng đáng thương, tội nghiệp không thể làm gì chống trả với cái nghèo, cái đói ngoài những tiếng than khóc với mẹ. Đó là đỉnh điểm của sự bất lực, nghèo khổ. Thông qua tình huống truyện, Nam Cao đã phản ánh chân thực tình trạng đói nghèo thảm thương của những người nông dân Việt Nam trước CMT8, đặc biệt hình ảnh trẻ con và người phụ nữ lại càng khiến ta đau đớn, não ruột. Đồng thời, tác giả cũng bộc lộ thái độ phê phán sâu sắc đối với những hạng người vô tâm, thiếu nhân tính trong xã hội, ở đây là những ông chồng vô trách nhiệm, tham ăn đến mức đáng khinh bỉ.

### 3) Người kể chuyện:

**Truyện được kể ở ngôi thứ ba số ít**, thể hiện một góc nhìn khách quan, toàn diện, người kể biết hết cả những biểu hiện bên ngoài lẫn những trạng thái cảm xúc, suy nghĩ của người mẹ thương con. **Đoạn trích chủ yếu tập trung xây dựng điểm nhìn trần thuật ở bên ngoài nhưng cũng di chuyển điểm nhìn vào bên trong để khám phá nội tâm nhân vật.** Tập trung quan sát bên ngoài, đoạn trích miêu tả rất cụ thể, chân thực hàng loạt các hành động, lời nói của các nhân vật, làm nổi bật tính chất đời thường của tác phẩm. Quan sát bên ngoài, tác giả phát hiện **thấy ngoại hình thảm thương của bốn mẹ con**: “Người mẹ rất còm cõi và bốn đứa con gầy ốm, quây quần với nhau trong xó bếp”.

Đó là ngoại hình của những kẻ nghèo khó, báo hiệu một số phận bất hạnh, không gian sinh hoạt của họ là không gian “xó bếp” – một nơi tầm thường, bừa bộn nhất trong nhà. Thậm chí, Nam Cao còn hữu hình hóa cái khổ của bốn mẹ con bằng một biện pháp so sánh: “*Trong gia đình này, năm mẹ con thường giống như một bọn dân hèn yếu cùng chung phận con sâu, cái kiến dưới cái ách một ông bạo chúa*”. Như vậy, địa vị trong gia đình của vợ và các con đã bị đẩy đến đáy cùng xã hội, họ không còn được xem là con người, mà là những con vật nhỏ bé, yếu đuối và dễ bị bắt nạt. Khôn khổ thay, kẻ bắt nạt không ai khác lại là người chồng, người cha của họ.

Bên cạnh đó, thông qua việc quan sát điểm nhìn bên ngoài, Nam Cao khám phá thấy **nhân vật Thị là một người mẹ rất thương con**. Tình thương của chị được thể hiện qua những lời nói ân cần an ủi: “*Cố mà nhịn lúc nữa, các con ạ. Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn*”, rồi chị tâm lý bày trò chơi cho chúng thi nhau quên đói. Trò bắt chấy tưởng ngây ngô mà hữu dụng đến lạ. Nhưng hữu dụng bao nhiêu, chúng cũng chỉ lãng quên được một lúc. Sau cùng, khi cái Gái bê mâm cơm từ nhà trên xuống chẳng còn gì, Thị phải bật khóc “rưng rưng” cùng con. Giọt nước mắt của chị là giọt nước mắt ê chề, tủi phận, bất lực của một người mẹ. Dường như chị đã hoàn toàn mất niềm tin vào một người chồng vô trách nhiệm. Chị khóc cho thân phận xấu số của bốn mẹ con chị. Cụm từ “*thương đứt ruột*” đã diễn tả sâu sắc nỗi lòng người mẹ khôn khổ này.

Đáng thương hơn nữa là **hình ảnh những đứa trẻ**, chúng đi từ hi vọng đến thất vọng tràn trề. Chúng ngây ngô kêu đói, rồi ngây ngô tham gia trò chơi của mẹ, ngây ngô chờ đợi, hớn hờ vui mừng khi chị Gái bê mâm cơm xuống và cuối cùng cũng ngây ngô khóc òa lên khi chẳng còn gì để ăn. Bỏ công cho cả một quá trình chờ đợi, lật áo lên “*bụng đứa nào đứa nấy cũng gần dính lưng*” nhưng cuối cùng miếng ăn vẫn là một thứ xa vời đối với chúng. Bởi một ông bố vô tâm, thiếu tình thương, chúng trở thành những đứa trẻ bị bỏ đói đến nheo nhóc.

Bên cạnh đó, Nam Cao còn có biệt tài di chuyển linh động điểm nhìn vào bên trong nhân vật, ở đây là nhân vật Thị. **Hình thức trần thuật nửa trực tiếp** đã góp phần để cho Thị bộc bạch nỗi lòng: “*Khi người ta đã đói mà lại ngửi thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài mãi. Nghĩ mà bực quá! Cái thể không chết được, chứ giá chết được thì thị chỉ thất cổ đi cho rồi*”. Đó là những dòng suy nghĩ đầy tức giận, uất nghẹn trong lòng chị. Chị thấu hiểu cơn đói hành hạ những đứa con, càng thương con bao nhiêu, chị càng giận chồng bấy nhiêu. Nhưng thân phận con sâu, cái kiến trong nhà khiến chị không thể làm gì khác được. Chị chỉ mong được chết đi. Chỉ có cái chết mới lấy đi được cái bất lực, nỗi đau của chị trong cái thân phận khôn khổ này: vừa nghèo đói lại vừa có một ông chồng vô tình vô nghĩa. Những dòng nội tâm của Thị **tuy không nhiều** nhưng cũng đủ nói lên sự bất lực cùng cực của một người đàn bà bất hạnh. **Đoạn trích đã tạo dựng một khoảng cách trần thuật gần gũi, thân thiết của người kể chuyện với nhân vật Thị và những đứa trẻ**, thể hiện sự cảm thông sâu sắc đối với bi kịch của mẹ con chị.

Viết về người nông dân, Nam Cao có một giọng điệu trần thuật linh hoạt. Trước hết, ông bày tỏ thái độ cảm thông, chua xót đối với tình cảnh trớ trêu, nghèo khổ của mẹ con Thị. Bằng những từ đặc tả chi tiết “*mặt những đứa trẻ nhăn nhăn, nhó nhó*”, “*thở dài*”, “*nuốt bọt nhem nhép*”, ta thấy rõ được sự xót xa của nhà văn. Bên cạnh đó, tác giả còn ngầm phê phán nghiêm khắc sự vô tâm, thiếu trách nhiệm của người cha, và trân trọng, ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng của người mẹ.

#### 4) Ngôn ngữ trần thuật:

Bằng một **hệ thống ngôn ngữ giản dị, mộc mạc mà giàu chiêm nghiệm, triết lí**, Nam Cao đã trần thuật câu chuyện một cách vừa gần gũi, dễ đọc lại vừa ẩn tượng, khơi gợi được sự đồng cảm

nơi người đọc. **Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc giúp lời văn thêm sinh động.** Đó là cách sử dụng khéo léo biện pháp so sánh “*như một bọn dân hèn yếu cùng chung phận con sâu, cái kiến*”, “*chân đạp như một người giấy chết*”. Đặc biệt, ông có biệt tài sử dụng nhiều từ láy, tính từ đặc tả ngoại hình, hành động của nhân vật: *nhăn nhăn, nhỏ nhỏ, hụ hị kêu, nuốt bọt nhem nhép, ngồi chồm chồm đợi*... Bên cạnh những câu kể, tả, tác giả còn đan xen linh hoạt những câu bình luận, đánh giá, thể hiện thái độ, cảm xúc, lời nhân vật và lời người kể chuyện.

### **5) Đánh giá giá trị nội dung:**

Truyện hướng về chủ đề miếng ăn cái đói của người nông dân nghèo trước CMT8. Đối tượng phản ánh là năm mẹ con Thị. Qua đó, đoạn trích đã phản ánh xã hội tối tăm, nghèo khó những năm đầu TK XX và cũng phản ánh được đời sống con người: Đó là những người chồng vô lương tâm, thiếu trách nhiệm, và những người mẹ khốn khổ thương con mà bất lực, những đứa trẻ bất hạnh bị cái đói hành hạ. Như vậy, đoạn trích không chỉ phản ánh cái nghèo mà còn phản ánh sự rạn nứt của các mối quan hệ trong gia đình. Đó là bi kịch còn lớn hơn cả cái nghèo khó. **Tất cả điều này gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc nhờ một nghệ thuật tự sự có chiều sâu, giàu sức thuyết phục.**

**III. Kết bài:** Tổng kết ý nghĩa của vấn đề, khẳng định tác phẩm và tài năng của tác giả